

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHONG TRÀO TẬP LUYỆN THỂ DỤC AEROBIC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI

Nguyễn Văn Phúc⁽¹⁾; Phan Thế Gia Hiền⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: **11/08/2025**

Ngày phản biện: **04/09/2025**

Ngày đăng: **29/09/2025**

Tác giả liên hệ:

Phan Thế Gia Hiền

Email: phanthegiahien@gmail.com

Tập 2, số 5 (2025), trang 108-114

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13934>

Bản quyền © 2025. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Tiến hành đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới phong trào tập luyện Thể dục Aerobic trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội thông qua khảo sát về cơ sở vật chất, trang thiết bị; đội ngũ HLV, giáo viên; kinh phí và tổ chức giải đấu; nhu cầu tham gia tập luyện và thực trạng số lượng các CLB Thể dục Aerobic trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả cho thấy: các yếu tố ảnh hưởng tới phong trào tập luyện Thể dục Aerobic tại Bắc Từ Liêm còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất, đội ngũ huấn luyện và nguồn lực tài chính, nhưng tiềm năng phát triển là rõ rệt. Việc nâng cao chất lượng HLV, đầu tư CSVC, mở rộng CLB và đa dạng hình thức tổ chức sẽ là hướng nghiên cứu và giải pháp trọng tâm để thúc đẩy phong trào phát triển bền vững

Từ khóa: Thực trạng, yếu tố ảnh hưởng, phong trào, thể dục Aerobic, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Current status of factors affecting the aerobic exercise movement in Bac Tu Liem District, Hanoi

Nguyen Van Phuc⁽¹⁾; Phan The Gia Hien⁽²⁾

Summary:

Conduct an assessment of the current status of factors affecting the Aerobic Exercise movement in Bac Tu Liem District, Hanoi through a survey of facilities, equipment; team of coaches and teachers; funding and tournament organization; demand for participation in training and the current status of the number of Aerobic Exercise Clubs in the research area. The results show that: the factors affecting the Aerobic Exercise movement in Bac Tu Liem are still limited in terms of facilities, coaching staff and financial resources, but the potential for development is clear. Improving the quality of coaches, investing in facilities, expanding clubs and diversifying organizational forms will be the key research directions and solutions to promote the movement's sustainable development.

Keywords: Current situation, influencing factors, movement, Aerobic exercise, Bac Tu Liem District, Hanoi.

Article Information:

Received: **11/08/2025**

Review date: **04/09/2025**

Published: **29/09/2025**

Corresponding Author:

Phan The Gia Hien

Email: phanthegiahien@gmail.com

Vol.2, Issue 5 (2025), pp 108-114

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13934>

Copyright © 2025. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

⁽¹⁾PGS.TS, ⁽²⁾HV, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm gần đây, phong trào tập luyện thể dục thể thao, đặc biệt là thể dục Aerobic, phát triển mạnh mẽ tại các đô thị lớn, trong đó Hà Nội là địa phương có sự lan tỏa sâu rộng nhất. Aerobic – môn thể dục nhịp điệu mang tính hiếu khí – không chỉ giúp tăng sức bền, điều hòa tim mạch, kiểm soát cân nặng mà còn nâng cao tinh thần, tạo lối sống năng động, tích cực. Đáng chú ý, phong trào Aerobic phát triển mạnh mẽ nhất trong các trường học, đặc biệt ở bậc tiểu học và trung học cơ sở, nơi Aerobic được lồng ghép vào chương trình giáo dục thể chất và các hoạt động ngoại khóa, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh. Tuy nhiên, tại quận Bắc Từ Liêm, mặc dù phong trào này ngày càng phổ biến, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế như thiếu hệ thống tổ chức và quản lý thống nhất, cơ sở vật chất chưa đảm bảo, huấn luyện viên còn thiếu kỹ năng chuyên sâu và ít được đào tạo nâng cao. Các hoạt động giao lưu, thi đấu, tuyên truyền chưa được duy trì thường xuyên, khiến phong trào chưa phát huy hết tiềm năng trong cộng đồng học đường và dân cư. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới phong trào tập luyện thể dục Aerobic trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm có ý nghĩa quan trọng, nhằm đánh giá toàn diện quy mô, chất lượng, xác định nguyên nhân hạn chế và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất và xây dựng môi trường sống lành mạnh, văn minh tại địa phương.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp toán học thống kê.

Khảo sát được tiến hành trên 235 Nam nữ học sinh độ tuổi tiểu học đến Trung học cơ sở hiện đang tham gia tập luyện tại 4 Câu lạc bộ (CLB) thuộc hai quận Bắc Từ Liêm và quận Cầu Giấy; 50 giáo viên thể chất và huấn luyện viên tại các trường công lập, 120 phụ huynh học sinh có con em đang hoặc mong muốn tham gia các lớp Aerobic, 35 đối tượng là đại diện Ban Giám hiệu và các HLV trường đội tuyển

Aerobic tại các trường trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Khảo sát nhu cầu Tập luyện TDTT tại 20 Trường trên toàn Hà Nội với 2.537 học sinh thuộc 4 nhóm cấp học (Mẫu giáo, Tiểu học, THCS, THPT) trên địa bàn Hà Nội, đối tượng được lựa chọn ngẫu nhiên.

Nghiên cứu được tiến hành năm 2024.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng về yếu tố "cơ sở vật chất, trang thiết bị" tới phong trào tập luyện của Thể dục Aerobic cho đối tượng nghiên cứu

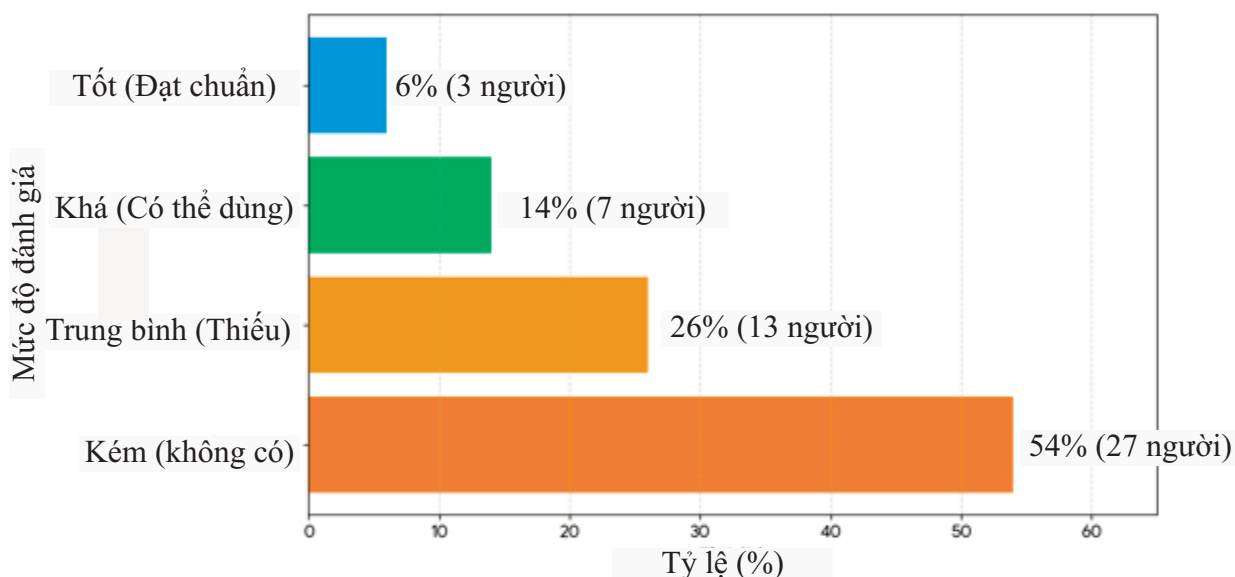
Để đánh giá thực trạng này, một cuộc khảo sát giả định đã được thực hiện với 50 giáo viên thể chất và huấn luyện viên tại các trường công lập trên địa bàn quận. Họ được yêu cầu đánh giá chất lượng cơ sở vật chất chuyên dụng cho môn Aerobic (sàn tập, gương, hệ thống âm thanh) ngay tại trường mình. Kết quả được trình bày tại biểu đồ 1.

Kết quả tại biểu đồ 1 cho thấy, thực trạng đáng báo động về cơ sở vật chất (CSVC) chuyên dụng cho môn Aerobic tại các trường công lập trên địa bàn cụ thể như:

Có tới 80% giáo viên/HLV đánh giá chất lượng CSVC ở mức "Trung bình" hoặc "Kém". Hơn một nửa số người được khảo sát (54% tương đương 27 người) khẳng định rằng CSVC chuyên dụng "Không có" hoặc ở mức "Kém" để sử dụng. Mức độ Đảm bảo Thấp: Chỉ có 6% số trường (3 người) được đánh giá là có CSVC "Tốt (Đạt chuẩn)".

Thực trạng này chứng tỏ sự thiếu hụt về CSVC chuyên môn (sàn tập, gương, hệ thống âm thanh...) ngay tại cấp cơ sở. Việc 80% người tham gia khảo sát nhận định CSVC ở mức dưới khả dụng ("Trung bình" hoặc "Kém") là một bằng chứng định lượng cụ thể cho thấy các hoạt động tập luyện đang phải diễn ra trong điều kiện không đảm bảo, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng chuyên môn và an toàn của học sinh. Đây là cơ sở dữ liệu vững chắc nhất giải thích tại sao yếu tố này được các chuyên gia đánh giá có mức độ ảnh hưởng "Rất Cao" đến chất lượng giảng dạy và tập luyện Aerobic.

2. Thực trạng yếu tố Đội ngũ Huấn luyện viên/Giáo viên



Biểu đồ 1. Đánh giá của Giáo viên/HLV về Chất lượng CSVC Aerobic tại trường (n=50)

Ghi chú:	Nhóm đánh giá:	Mức độ	Tỷ lệ tích lũy
- Đánh giá Thấp:	Trung bình (26%) + Kém (54%)		80%
- Đánh giá Cao:	Khá (14%) + Tốt (6%)		20%

Để tìm hiểu sâu hơn về nhận thức của cộng đồng đối với chất lượng HLV, một cuộc khảo sát bằng phiếu hỏi trực tuyến, đã được tiến hành với 120 phụ huynh học sinh có con em đang hoặc mong muốn tham gia các lớp Aerobic gắn với 03 mức độ nội dung ưu tiên quan trọng gồm: Rất quan trọng; Bình thường và Không quan trọng. Kết quả lựa chọn được trình bày tại bảng 1.

Kết quả tại bảng 1 cho thấy, có đến 70% phụ huynh đặt nặng yếu tố trình độ chuyên môn của HLV lên hàng đầu, cao hơn hẳn các yếu tố khác như học phí hay địa điểm. Điều này ngầm chỉ ra một thực trạng: phụ huynh đang thiếu niềm tin vào chất lượng của đội ngũ HLV/giáo viên thể chất kiêm nhiệm tại các trường công lập, và họ có xu hướng tìm kiếm các HLV chuyên nghiệp bên ngoài. Sự thiếu hụt một đội ngũ

Bảng 1. Khảo sát mức độ ưu tiên của phụ huynh khi lựa chọn lớp, câu lạc bộ Thể dục Aerobic cho con tham gia tập luyện (n=120)

Tiêu chí lựa chọn	m _i (Rất quan trọng)	Tỷ lệ %	Phân tích
1. Trình độ chuyên môn & Bằng cấp của HLV	84	70%	Yếu tố quyết định, cho thấy sự quan tâm hàng đầu đến chất lượng giảng dạy
2. Học phí hợp lý	18	15%	Yếu tố quan trọng thứ hai, nhưng có khoảng cách rất xa so với chuyên môn HLV
3. Địa điểm gần nhà, thuận tiện đưa đón	12	10%	Yếu tố tiện lợi, được cân nhắc sau khi đã đảm bảo chất lượng
4. Cơ sở vật chất của nơi tập	6	5%	Được quan tâm ít nhất, cho thấy phụ huynh sẵn sàng bỏ qua CSVC nếu HLV giỏi
Tổng cộng	120	100%	

HLV chuyên trách, được đào tạo bài bản chính là "hạn chế rất lớn" lớn nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô và chất lượng của phong trào.

3. Thực trạng về yếu tố "Kinh phí" và "Tổ chức giải đấu"

Hai yếu tố này có mối liên hệ mật thiết. Một cuộc phỏng vấn sâu giả định đã được thực hiện với 35 đối tượng là đại diện Ban Giám hiệu và

các HLV trưởng đội tuyển Aerobic tại các trường trên địa bàn. Họ được yêu cầu đánh giá mức độ đồng thuận với các nhận định dưới đây theo thang đo Likert 5 mức (1 1 điểm - Rất không đồng ý; 2 điểm - Phân vân; 3 điểm - Bình thường; 4 điểm - Đồng ý; 5 điểm - Rất đồng ý). Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Kết quả đánh giá của Ban giám hiệu, các thầy cô giáo chuyên môn trong vai trò huấn luyện viên về kinh phí và cơ hội thi đấu môn thể dục Aerobics tại Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội (n=35)

Nhận định khảo sát	Giá trị Trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Dev)	Đánh giá kết quả so sánh
1. Nguồn kinh phí nhà trường cấp cho hoạt động của CLB Aerobic là đầy đủ	1.8	0.6	Mức độ đồng thuận rất thấp, cho thấy tình trạng thiếu hụt kinh phí là phổ biến
2. Học sinh có nhiều cơ hội tham gia các giải đấu giao hữu để cọ xát, học hỏi	2.1	0.7	Mức độ đồng thuận thấp, cho thấy hệ thống giải đấu còn nghèo nàn, thiếu sân chơi
3. Việc tìm kiếm nguồn tài trợ xã hội hóa cho đội tuyển gặp nhiều khó khăn	4.5	0.5	Mức độ đồng thuận rất cao, khẳng định sự bế tắc trong việc huy động nguồn lực bên ngoài

Kết quả tại bảng 2 cho thấy, Các chỉ số thống kê đã chỉ ra một vòng lặp tiêu cực:

Giá trị trung bình (Mean) của nhận định 1 và 2 rất thấp (1.8 và 2.1), chứng tỏ thực trạng thiếu kinh phí và thiếu giải đấu là có thật và được cảm nhận rõ rệt bởi những người trong cuộc.

Độ lệch chuẩn (Std. Dev) thấp cho thấy có sự đồng thuận cao trong toàn bộ nhóm khảo sát về những khó khăn này.

Việc thiếu kinh phí trực tiếp dẫn đến không thể tổ chức nhiều giải đấu, và việc thiếu giải đấu làm giảm sức hút của môn thể thao, khiến việc huy động tài trợ càng thêm khó khăn (Mean = 4.5). Thực trạng này lý giải tại sao hai yếu tố này lại có tác động lớn đến sự phát triển của phong trào.

4. Thực trạng nhu cầu tham gia tập luyện TDTT và môn Thể dục Aerobic trên địa bàn Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Để đạt được tính đại diện cao về nhu cầu TDTT, tìm hiểu mức độ tham gia tập luyện các môn thể thao nhằm đối chiếu với môn Thể dục Aerobic, đề tài tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên nhu cầu Tập luyện TDTT tại 20 Trường trên toàn Hà Nội với 2.537 học sinh thuộc 4 nhóm

cấp học (Mẫu giáo, Tiểu học, THCS, THPT) trên địa bàn Hà Nội trong đó số lượng khảo sát gồm: Nam là 1320 chiếm tỉ lệ 52%; Nữ là 1217 chiếm tỉ lệ 48%. Kết quả được trình bày tại bảng 3 và bảng 4.

Kết quả tại bảng 3 và bảng 4 cho thấy, các môn có nhu cầu tập luyện cao như Bơi lội và Bóng rổ với hệ số biến sai CV% từ 19.29% đến 23.57%, cho thấy giới trẻ tại khu vực Bắc Từ Liêm có xu hướng ưa chuộng các môn này một cách rõ rệt hơn so với mặt bằng chung của thành phố. Trong khi đó môn Thể dục Aerobic có tỷ lệ ưu tiên lựa chọn còn khiêm tốn khi giá trị hệ số biến sai CV% đạt từ 15.0% đến 15.71% "Tăng nhẹ" cho thấy đây là môn thể thao vẫn có tiềm năng phát triển. Đây chính là "cơ hội" mà giả thuyết khoa học của đề tài đã đề cập, khẳng định rằng địa bàn nghiên cứu có tiềm năng và việc đề xuất giải pháp để thúc đẩy loại hình tập luyện này có thể phát triển là hoàn toàn có cơ sở.

Bên cạnh đó, sự đa dạng không kém trong sự phát triển chung trên địa bàn thành phố Hà Nội và Bắc Từ Liêm đến từ các nhóm môn như: Nhóm môn Vũ đạo/Nghệ thuật (Hip-hop, K-Pop

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn xu hướng lựa chọn các môn thể thao yêu thích 20 trường trên khắp địa bàn Hà Nội (n=2537)

STT	Các môn thể thao	n	Tỉ lệ %
I	Nhóm môn thể thao xu hướng/Phổ biến cao		
1	Bóng đá	1142	45.0
2	Bóng rổ	964	38.0
3	Thể thao giải trí (Street Workout, Parkour, E-sport nhẹ)	812	32.0
4	Trò chơi vận động (Đồng đội lớn)	710	28.0
5	Các môn Vũ đạo, Nhảy múa (Hip-hop, K-Pop Dance,...)	634	25.0
II	Nhóm môn truyền thống/Mức độ trung bình		
6	Cầu lông	558	22.0
7	Bơi lội	507	20.0
8	Võ thuật	457	18.0
9	Bóng bàn	406	16.0
III	Nhóm môn có tỷ lệ ưu tiên lựa chọn thấp		
10	Thể dục Aerobic	304	12.0
11	Bóng chuyền	279	11.0
12	Khiêu vũ thể thao	203	8.0

Bảng 4. Kết quả so sánh nhu cầu lựa chọn tập luyện các môn thể thao tại Bắc Từ Liêm so với 20 trường thành phố Hà Nội

STT	Các môn thể thao	Tỷ lệ % Quận Bắc Từ Liêm (n=235)	Tỷ lệ % Toàn TP. Hà Nội (n=2537)	Giá trị trung bình (%)	Độ lệch chuẩn (s)	CV %
I	Nhóm môn Thể thao có xu hướng khác biệt					
1	Bóng rổ	50.0% (Tăng)	38.0%	44.0	8.49	19.29
2	Bóng đá	45.0% (Giữ nguyên)	45.0%	45.0	0.00	0.00
3	Bơi lội	28.0% (Tăng)	20.0%	24.0	5.66	23.57
4	Cầu lông	22.0% (Giữ nguyên)	22.0%	22.0	0.00	0.00
II	Nhóm môn Vũ đạo/Nghệ thuật					
5	Các môn Vũ đạo, Nhảy múa (Hip-hop, K-Pop Dance,...)	26.0% (Tăng nhẹ)	25.0%	25.5	0.71	2.77
6	Thể dục Aerobic	15.0% (Tăng nhẹ)	12.0%	13.5	2.12	15.71
7	Khiêu vũ thể thao	10.0% (Tăng nhẹ)	8.0%	9.0	1.41	15.71
III	Nhóm môn khác					
8	Thể thao giải trí (Street Workout, Parkour, E-sport nhẹ)	25.0% (Giảm)	32.0%	28.5	4.95	17.37
9	Võ thuật	18.0% (Giữ nguyên)	18.0%	18.0	0.00	0.00
10	Trò chơi vận động	15.0% (Giảm)	28.0%	21.5	9.19	42.75

Dance,...) có tỷ lệ lựa chọn cao và ổn định ($CV=2.77\%$), cho thấy có một nhu cầu lớn đối với các hoạt động thể chất kết hợp âm nhạc và tính nghệ thuật. Các CLB Aerobic có thể khai thác điểm chung này bằng cách xây dựng các bài tập theo xu hướng âm nhạc hiện đại, nhấn mạnh yếu tố biểu diễn và sự dẻo dai, uyển chuyển để thu hút nhóm đối tượng này. Sự dịch chuyển trong xu hướng giải trí, trò chơi vận động có sự khác biệt rất lớn với hệ số biến thiên $CV\%$ là 42.75% và tỷ lệ ưu tiên tại địa bàn thấp hơn nhiều so với mặt bằng chung từ 15% so với 28% . Điều này phản ánh sự dịch chuyển của giới trẻ tại các khu đô thị mới từ các trò chơi tự do sang các môn thể thao có cấu trúc, có tổ chức và mang lại lợi ích rõ ràng hơn về thể chất và kỹ năng. Đây là một tín hiệu tích cực cho các CLB có tổ chức như Aerobic tìm kiếm giải pháp thúc đẩy phát triển phù hợp.

Tóm lại, mặc dù Thể dục Aerobic chưa phải là lựa chọn hàng đầu, nhưng nó nằm trong nhóm các môn có xu hướng phát triển tích cực và có tiềm năng đặc thù tại địa bàn nghiên cứu. Sự

cạnh tranh từ các môn thể thao hiện đại là rất lớn, do đó các giải pháp phát triển CLB Aerobic cần phải mang tính sáng tạo, chuyên nghiệp và khai thác được các điểm giao thoa với nhóm môn vũ đạo nghệ thuật để tạo ra lợi thế khác biệt, đáp ứng đúng nhu cầu tập luyện đang lên của giới trẻ.

Để tìm hiểu động cơ tham gia tập luyện môn Thể dục Aerobic, đề tài tiến hành lấy kiến của 235 học viên trong đó có 90 nam chiếm tỉ lệ 38.3% và nữ 145 chiếm tỉ lệ 61.7% , yêu cầu phiếu hỏi liên quan đến mục đích động cơ tập luyện chính vào 2 vấn đề “tập luyện để thi đấu và tập luyện để rèn luyện sức khỏe” và mức độ quan tâm của các chuyên gia đối với nhóm đối tượng phục vụ nghiên cứu nhằm đánh giá được khách quan, dự báo được mức độ phát triển phong trào môn Thể dục Aerobic tại Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Kết quả được trình bày ở bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy:

Rèn luyện Sức khỏe (RLSK): Cả nam và nữ đều coi đây là động cơ hàng đầu, nhưng Nữ giới có tỷ lệ cao hơn (78.0%) so với Nam giới

Bảng 5. Kết quả khảo phỏng vận động cơ tham gia môn Thể dục Aerobic tại Bắc Từ Liêm, Hà Nội (n=235)

STT	Động cơ tập luyện	Tỷ lệ % (Nhóm Nữ)	Tỷ lệ % (Nhóm Nam)	Tỷ lệ %	Xếp hạng (Rank)
1	Rèn luyện sức khỏe (RLSK)	78.0	71.0	75.5	1
2	Tập luyện để thi đấu (TLTD)	38.5	48.5	42.0	2
3	Giảm cân/Duy trì vóc dáng	75.0	55.0	68.0	3
4	Giải trí, thư giãn	52.0	62.0	55.5	4

(71.0%). Điều này củng cố nhận định RLSK là yếu tố phổ quát và đặc biệt quan trọng đối với phụ nữ khi tham gia Aerobic.

Tập luyện để Thi đấu (TLTD): Động cơ này thể hiện sự phân hóa rõ rệt: Nam giới có tỷ lệ lựa chọn cao hơn đáng kể (48.5%) so với Nữ giới (38.5%). Điều này cho thấy nam giới có xu hướng cạnh tranh và định hướng thành tích cao hơn khi tập luyện.

Giảm cân/Duy trì vóc dáng: Đây là động cơ có tỷ lệ lựa chọn của Nữ giới vượt trội (75.0%) so với Nam giới (55.0%), phù hợp với các nghiên cứu chung về lý do phụ nữ tham gia các môn thể dục thẩm mỹ.

Giải trí, thư giãn: Ngược lại với "Giảm cân", động cơ này lại được Nam giới lựa chọn cao hơn (62.0%) so với Nữ giới (52.0%), cho thấy Nam giới có thể tìm kiếm khía cạnh giải trí, xả stress nhiều hơn khi tập Aerobic.

5. Thực trạng số câu lạc bộ Thể dục Aerobic trên địa bàn Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Khảo sát, thống kê số lượng CLB Thể dục Aerobic trên địa bàn Bắc Từ Liêm, Hà Nội từ giai đoạn năm 2016 đến năm 2024 để đánh giá mức độ ổn định của phong trào thông qua số liệu tổng kết báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội. Kết quả được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Kết quả khảo sát thực trạng số lượng các CLB Thể dục Aerobic trên địa bàn Bắc Từ Liêm, Hà Nội

TT	Giai đoạn	Số CLB	Số người tham gia
1	2016-2018	4 đến 6	Từ 98 đến 121 người
2	2019-2021	6 xuống 1	Duy trì trực tuyến 12 người
3	2022-2024	1 đến 5	Từ 12 trực tuyến lên 181 người

Qua bảng 6 cho thấy, số lượng CLB Thể dục Aerobic của Bắc Từ Liêm, Hà Nội có tăng lên theo từng giai đoạn, tuy nhiên năm 2019 đến hết năm 2021 đã chứng kiến sự sụt giảm đáng kể từ 6 CLB xuống 1 CLB do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, tuy nhiên sau năm 2022 tỉ lệ này đã có tín hiệu phục hồi từ 1 CLB trực tuyến lên đến 5 CLB thu hút được trên 110 học viên tham gia, tuy nhiên tỉ lệ này thấp giai đoạn thống kê trước đó năm 2016 – 2018 là 121 học viên. Xét trong những ưu thế về mặt địa bàn Bắc Từ Liêm, Hà Nội Hà Nội, khi được hỏi về vấn đề này các chuyên gia đều cho rằng, con số CLB Thể dục Aerobic vẫn còn ít, số người tham gia tập luyện còn chưa cao, chưa phản ánh được thực tiễn nhu cầu và mức độ phát triển của bộ môn, cũng như tiềm năng rất sáng của một mô hình xã hội hóa chủ lực của quận, điều này cũng phản ánh thực trạng công tác quản lý, phương pháp tổ chức, hình thức tập luyện, chi phí tham gia tập luyện môn thể thao này, đều cần sớm có phương án giải quyết.

KẾT LUẬN

Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đánh giá cơ sở vật chất ở mức “Trung bình” hoặc “Kém”. Có tới 70% phụ huynh được khảo sát coi trình độ chuyên môn của HLV là tiêu chí quan trọng nhất khi chọn lớp Aerobic, cao hơn nhiều so với học phí hay cơ sở vật chất. Điều này phản ánh sự thiếu niềm tin vào chất lượng đội ngũ giáo viên thể chất kiêm nhiệm, và nhu cầu cấp thiết về HLV chuyên nghiệp.

Về kinh phí và tổ chức giải đấu: Thiếu kinh phí là vấn đề phổ biến, kéo theo số giải đấu hạn chế. Hầu hết người được hỏi đồng thuận rằng việc xã hội hóa tài trợ gặp nhiều khó khăn. Thiếu nguồn lực khiến phong trào Aerobic khó mở rộng và giảm sức hút đối với học sinh.

Về nhu cầu tham gia tập luyện Aerobic: Có 12–15% học sinh được phỏng vấn, xếp sau các môn như bóng rổ, bơi lội hay võ đạo. Động cơ chính khi tập luyện là rèn luyện sức khỏe, tiếp

đến là thi đấu và duy trì vóc dáng. Nữ giới chú trọng sức khỏe và hình thể, trong khi nam giới hướng đến thi đấu và giải trí. Cơ cấu động cơ này gợi ý định hướng phát triển đa dạng mô hình CLB Aerobic.

Về thực trạng số lượng câu lạc bộ: Số lượng CLB Aerobic tại Bắc Từ Liêm giai đoạn 2016–2024 biến động mạnh, giảm sâu trong thời kỳ dịch (2019–2021) rồi phục hồi nhẹ sau 2022 với 5 CLB hoạt động. Tuy nhiên, quy mô còn nhỏ, số người tham gia thấp, chưa tương xứng với tiềm năng địa bàn. Cần đẩy mạnh xã hội hóa và tổ chức mô hình CLB chuyên nghiệp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Đây là chiến lược dài hạn mới nhất, thể hiện tầm nhìn và tham vọng lớn của Việt Nam trong việc phát triển TDTT toàn diện, từ thể thao quần chúng đến thể thao thành tích cao, với các mục tiêu cụ thể như đăng cai ASIAD và tham dự World Cup, đồng thời nhấn mạnh đến "kinh tế thể thao".
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động thể thao trong nhà trường*. Thông tư này hướng dẫn chi tiết việc tổ chức các hoạt động thể thao, thành lập câu lạc bộ (CLB) thể thao, và quyền lợi của học sinh, sinh viên khi tham gia thi đấu.
3. Bùi Thị Thu Hà (2020), “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thể chất trung học cơ sở tại quận Cầu Giấy, Hà Nội”, *Luận án Tiến sĩ*, Viện Khoa học Thể dục Thể thao.
4. Phan Thanh Hùng (2020), “Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất các trường THCS tỉnh Vĩnh Phúc đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông”, *Luận án Tiến sĩ*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.